TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **77/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v:"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đẩu**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hà Ứng Cương** và Ông **Vũ Văn Hợp**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn N**, sinh năm 1970

Nơi cư trú: ấp BB, xã LS, huyện KH, tỉnh KG. Nay là ấp BB, Đặc khu KH, tỉnh AG. (có mặt)

* Bị đơn: Bà **Trần Thị N1**, sinh năm 1974

Nơi cư trú: ấp BB, xã LS, huyện KH, tỉnh KG

Chỗ ở hiện nay: Tổ …, ấp TT, xã GT, huyện CT, tỉnh KG. Nay là Tổ.., ấp TT, xã CT, tỉnh AG. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đinh Văn N trình bày:***

Ông và bà Trần Thị N1 quen biết nhau và đến năm 1994 thì tổ chức lễ cưới nhưng *không đăng ký kết hôn tại bất cứ đâu theo đúng quy định của pháp luật*. Thời

gian đầu chúng tôi chung sống rất hòa thuận và có 03 người con chung Đinh Thị Ánh T, sinh năm 1995; Đinh Thị Tuyết Ng, sinh năm 1998 và Đinh Tuấn A, sinh năm 2001 nhưng đến khoảng thời gian gần đây thì giữa chúng tôi xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chúng tôi đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng vẫn mâu thuẫn nhau, ông bà đã sống ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay ông cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông khởi kiện xin ly hôn.

Tại phiên tòa ông Đinh Văn N có yêu cầu.

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Trần Thị N1

- Về việc nuôi con chung: Do 03 người con chung đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà Trần Thị N1 trình bày***: Về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung bà Trần Thị N1 xác định đúng như ông Đinh Văn N trình bày. Tuy nhiên về phần tài sản chung thì bà không thống nhất theo trình bày của ông Đinh Văn N do bà cho rằng trong thời gian chung sống thì bà và ông Đinh Văn N có tài sản chung.

Tại phiên tòa bà Trần Thị N1 có yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn với ông Đinh Văn N.

- Về việc nuôi con chung: Do 03 người con chung đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà yêu cầu ông Đinh Văn N cho bà số tiền 100.000.000 đồng để bà lo cho cuộc sống. Do bà cho rằng bà và ông N có tài sản chung trong thời gian chung sống.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn

chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 là vợ chồng.

- Về con chung: Do các người con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết nếu sau này bà Trần Thị N1 hoặc ông Đinh Văn N xác định được trong thời gian chung sống bà và ông N có tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 xác định không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn N hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn ông Đinh Văn N yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Trần Thị N1. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là *"Tranh chấp xin ly hôn"*.

[3] Về nội dung: Về mối quan hệ hôn nhân: Ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn tại bất cứ đâu theo đúng quy định của pháp luật *(có xác nhận của chính quyền địa phương)* trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông N và bà N1 đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 chung sống với nhau

như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình thì quan hệ của ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 không được công nhận là vợ chồng.

[5] - Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 xác định trong thời gian chung sống thì ông bà có chung 03 người con chung Đinh Thị Ánh T, sinh năm 1995; Đinh Thị Tuyết Ng, sinh năm 1998 và Đinh Tuấn A, sinh năm 2001 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] - Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Văn N cho rằng trong thời gian chung sống thì ông và bà Trần Thị N1 không có tài sản chung còn bà Trần Thị N1 thì cho rằng trong thời gian chung sống thì ông bà có tài sản chung. HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu bà Trần Thị N1 cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh trong thời gian chung sống giữa bà và ông Đinh Văn N cò tài sản chung nhưng bà không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc trong thời gian chung sống bà và ông Đinh Văn N có tài sản chung; Tòa án cũng đã tiến hành cho đối chất giữa bà và ông Đinh Văn N để xác định tại sản chung của bà và ông N nhưng không xác định được bà có tài sản chung gì khác hay không; Tòa án cũng đã ra thông báo yêu cầu bà thực hiện các yêu cầu phản tố về phần tài sản chung nhưng bà không đồng ý làm phản tố và không thống nhất làm các văn bản nào khác. Do đó, không thể xem xét, đánh giá được là bà và ông Đinh Văn N trong thời gian chung sống có tài sản chung hay không. Tại phiên tòa, bà Trần Thị N1 cũng xác định về phần tài sản chung giữa bà và ông Đinh Văn N bà hiện tại không yêu cầu nữa khi nào bà có điều kiện thì sẽ thực hiện việc yêu cầu chia tài sản chung này. Do đó, không thể xem xét cho bà về phần tài sản chung được nếu sau này bà hoặc ông Đinh Văn N xác định được rằng trong thời gian chung sống bà và ông N có tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[7] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 xác định không có nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[8] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc ông Đinh Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng ông được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008510 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 01 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Đinh Văn N và bà Trần Thị N1 xác định không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc ông Đinh Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí nhưng ông được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008510 ngày 22/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Tấn Đẩu